

PHÂN TÍCH ĐỐI CHIẾU TÍNH TỪ TIẾNG VIỆT “TRẮNG”, “ĐEN” MIÊU TẢ MÀU DA VÀ NHỮNG ĐƠN VỊ TƯƠNG ĐƯƠNG TRONG TIẾNG ANH

QUANG VĂN VIẾT CƯƠNG *

Tóm tắt: Dựa vào những cứ liệu ngôn ngữ chính từ hai từ điển tiếng Việt và tiếng Anh, bài viết này phân tích hai cặp tính từ tiếng Việt “trắng” và “đen”, “white” và “black” được sử dụng để miêu tả màu da. Bài viết chỉ ra những nét tương đồng và khác biệt giữa hai cặp tính từ này trong chủ đề đang xét, để từ đó đề xuất những đơn vị tương đương trong hai ngôn ngữ khi miêu tả màu da. Kết quả nghiên cứu có thể là nguồn tài liệu tham khảo đáng tin cậy cho giáo viên, học sinh, người làm công tác biên dịch, phiên dịch và nhà khoa học biên soạn từ điển hai ngôn ngữ Việt - Anh.

Từ khóa: Trắng, đen, màu da.

Abstract: Based on the linguistic evidence from two English and Vietnamese dictionaries, the current paper carries out a contrastive analysis of two pairs of Vietnamese adjectives “trắng” and “đen” and English adjectives “white” and “black” used to describe human skin colours. It attempts to concentrate on the similarities and differences between the two pairs of adjectives in the subject, then suggests equivalents in the two languages used to describe human skin colours. The findings of the study can be a reliable reference for teachers, students, translators, interpreters and dictionary writers in Vietnamese and English.

Keywords: White, black, skin colours.

1. Giới thiệu

Màu da người có thể có rất nhiều màu sắc khác nhau, từ rất đậm cho đến rất nhạt, gần như không màu. Màu da loài người là một chủ đề nghiên cứu của nhiều nhà sinh vật học và địa lý học. Về mặt sinh học, màu sắc của da do

lượng sắc tố melanin trong da quyết định, nhiều thì làm cho da đậm đen lại và ít thì làm cho da có màu nhạt hơn. Về mặt địa lý học, màu da loài người trên toàn cầu có liên quan chặt chẽ với vĩ độ trái đất và yếu tố quyết định là sự phân bố lượng tia cực tím ở những vùng khác nhau. Theo tác giả Barsh (2003), những người có nguồn gốc tổ tiên gần đường xích đạo có màu da sẫm màu hơn để bảo vệ mình khỏi tia cực tím của mặt trời, một trong những yếu tố gây ung thư da. Trong khi đó, màu da người có tổ tiên ở xa đường xích đạo có màu sáng hơn để hấp thụ vitamin D, giúp duy trì sức khỏe, đặc biệt là giúp xương khỏe mạnh. So với nước Anh, Việt Nam gần đường xích đạo hơn nên người Việt nói chung có nước da sẫm màu hơn người Anh. Con người ở hai dân tộc này cũng có những quan niệm, thái độ khác nhau về màu da. Vì vậy, ý niệm về ngôn ngữ được dùng để miêu tả màu da cũng không giống nhau.

Màu da là một chủ đề khá phổ biến trong giao tiếp của người Việt, nhưng khi giao tiếp với người Anh, người Việt bản ngữ đôi lúc gặp khó khăn trong việc sử dụng những đơn vị ngôn ngữ để chỉ màu da. Vì vậy, bài viết bước đầu nghiên cứu hai cặp tính từ tiếng Việt “trắng”, “đen” và tiếng Anh “black”, “white” để tìm hiểu những nét tương đồng và khác biệt giữa chúng và qua đó đề xuất những đơn vị

trương đương trong hai ngôn ngữ.

2. Nội dung

2.1. Tính từ tiếng Việt “trắng” và tính từ tiếng Anh “white” miêu tả màu da

2.1.1. Tính từ tiếng Việt “trắng”

Màu trắng là màu sáng nhất trong tất cả các màu và thường được nằm trong thế đối lập với đen là màu tối nhất trong tất cả các màu. Khi được dùng để miêu tả màu da, tính từ “trắng” có nghĩa là “có màu sáng, phân biệt với những cái cùng loại mà sẫm màu hoặc có màu khác” [1, tr.1301].

Ví dụ:

Gió đưa nhông nhánh trái gòn

Cô kia da trắng mặt tròn dễ hun. (Ca dao)

Cũng như những tính từ chỉ màu da tiếng Việt khác, tính từ “trắng” miêu tả màu da nói chung, chứ không miêu tả một bộ phận cụ thể.

Ví dụ:

Tóc đen, da trắng mỹ miều

Má mà có ngán, nuông chiều mẹ cha. (Ca dao)

Trong văn hoá người Việt, người con gái có da trắng thì đồng nghĩa là tất cả bộ phận của cơ thể đều có da màu trắng: mặt trắng, tay trắng, chân trắng,...

2.1.2. Tính từ tiếng Anh “white”

Khi được dùng để miêu tả màu da, tính từ tiếng Anh “white” được tác giả Hornby (2020) định nghĩa là “trắng, tái nhợt vì xúc động hoặc bị bệnh” [3, tr.1780].

Ví dụ:

He looked red-eyed and white-faced, slightly fearful and anxious [3] (Tạm dịch: Mắt anh ấy trông đỏ lên và mặt thì tái nhợt (ra), bắt đầu sợ hãi và lo lắng).

Khác với tính từ tiếng Việt “trắng”, tính từ tiếng Anh “white” miêu tả một bộ phận của cơ thể, mà cụ thể là miêu tả màu da của khuôn mặt, vì chính khuôn mặt là bộ phận biểu lộ cảm xúc, tâm trạng rõ nét nhất.

Ví dụ:

She went *white as a sheet* when she heard the news [3, tr.1780].

Câu trên không thể dịch sang tiếng Việt là “Khi biết tin đó, cô ấy trắng như tờ giấy, (câu sai). Chủ từ “She” (Cô ấy) ở đây muốn nói đến khuôn mặt của cô ấy, nơi biểu hiện cảm xúc khi tin đó đến với cô. Theo *Từ điển trực tuyến Cambridge*, trong văn hóa người Anh, thành ngữ: (as) *white as a sheet* được miêu tả cách dùng như sau: If someone is (as) white as a sheet, their face is very pale, usually because of illness, shock or fear. Tạm dịch: Nếu ai đó được miêu tả là (as) *white as a sheet*, thì mặt của người đó trông tái mét, thường do bị bệnh, bị sốc hoặc do sợ hãi). Như vậy, ví dụ trên có thể tạm dịch là: Khi biết tin đó, mặt cô ấy trở nên tái mét.

2.1.3. Đơn vị tương đương chỉ màu da sáng trong hai ngôn ngữ

Có thể thấy rằng, trong văn hóa người Việt, tính từ “trắng” khi được dùng để miêu tả màu da nói chung thường có nghĩa tích cực, chỉ màu da đẹp, dễ nhìn. Trái lại, tính từ tiếng Anh “white” được dùng với nghĩa tiêu cực để chỉ màu sắc của khuôn mặt của ai đó khi bị bệnh hoặc do sợ hãi. Hai tính từ này cũng khác nhau về mặt thời gian miêu tả. Trong khi tính “trắng” miêu tả màu da của một người nào đó mang tính ổn định, lâu dài, thì ngược lại, tính từ “white” được sử dụng để miêu tả màu da của khuôn mặt trong một thời gian nhất định. Từ những phân tích trên, có thể kết luận rằng, khi miêu tả màu da, tính từ tiếng Việt “trắng” và tính từ tiếng Anh “white” (tái mét) không thể là hai đơn vị ngôn ngữ tương đương nhau.

Do người Việt và người Anh có hai nền văn hoá và hai ngôn ngữ rất khác nhau, màu da của hai dân tộc nói chung cũng không giống nhau. Vì vậy, đi tìm những cặp đơn vị ngôn ngữ tương đương để miêu tả cùng một màu da cụ thể chỉ mang tính chất tương đối.

Để chỉ màu da trắng, sáng, người Việt dùng

tính từ “trắng”, còn người Anh dùng một số tính từ, thuật ngữ khác nhau.

Fair. Là một tính từ chỉ màu da sáng, nhạt màu [3].

Tính từ “fair” được người Anh dùng để miêu tả màu da của một người nhưng thường có điều kiện người đó có tóc màu sáng và được dùng kết hợp với danh từ.

Ví dụ: All my family are fair-skinned (Tạm dịch: Tất cả mọi người trong gia đình tôi có da trắng). (Từ điển trực tuyến Cambridge)

Light. Cũng là một tính từ chỉ màu da sáng, nhạt màu, đối lập với từ “dark” (da đen, sẫm màu [3]).

Người Anh thường sử dụng tính từ “light” ở dạng so sánh hơn “lighter” (sáng hơn, trắng hơn) kết hợp với danh từ “skin” (da) để miêu tả màu da của ai đó trong sự so sánh với màu da đen hơn, sẫm màu hơn.

Ví dụ:

My mother is *light*. (Câu ít phổ biến)

My mother has *lighter* skin (Tạm dịch: Mẹ tôi có da trắng).

Qua phân tích trên, có thể đi đến kết luận rằng, trong hai đơn vị ngôn ngữ vừa xét ở trên, đơn vị tương đương với tính từ “trắng” trong tiếng Anh là cụm danh từ chỉ so sánh hơn “lighter skin” (da trắng), nhưng không cần thiết phải đề cập đến màu da người khác trong khi so sánh.

Ngược lại, tính từ “white” cũng có một số đơn vị tương đương trong tiếng Việt.

Trắng bệch. Là một tính từ miêu tả màu da, thường là màu da mặt, được cho là “trắng nhợt nhạt, [Ví dụ] Mặt trắng bệch” [1, tr.1302]. Người Việt bản ngữ có thể dễ dàng nhận biết rằng, “trắng bệch” được dùng với nghĩa phủ định, chỉ màu sắc da trắng nhưng do bệnh, có thể do bệnh thiếu máu hoặc suy dinh dưỡng chứ không hoàn toàn giống với những đặc tính của tính từ tiếng Anh “white” đã miêu tả trên đây.

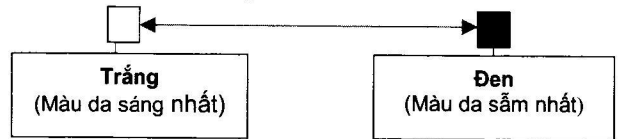
Tái mét. Theo Hoàng Phê [1, tr.1120], *tái mét* có nghĩa là “tái đến mức nhợt nhạt như không còn chút máu... [Ví dụ] ...Tái mét mặt vì sợ”.

Trong hai tính từ trên, tính từ “tái mét” là đơn vị tương đương với tính từ “white” khi miêu tả màu da. Cả hai đơn vị trong hai ngôn ngữ đều được dùng để miêu tả màu da mặt ở trạng thái “sáng hơn bình thường vì bệnh, hoặc sợ hãi”.

2.2. Tính từ tiếng Việt “đen” và tính từ tiếng Anh “black” miêu tả màu da

2.2.1. Tính từ tiếng Việt “đen”

Người Việt sử dụng tính từ “đen” để miêu tả màu da trong sự đối lập với “trắng”. Khi miêu tả màu da, tính từ “đen” được Hoàng Phê (2018) định nghĩa là “có màu tối, không sáng; trái với trắng. [Ví dụ] ...nước da đen” [1, tr.384]. Người Việt thường dùng hai tính từ đối lập tuyệt đối “trắng” và “đen” để miêu tả màu da.



Hình 1. Cách miêu tả màu da phổ biến của người Việt

Ví dụ:

Da đen *duyên lặn* vào trong

Mấy người da trắng duyên bong ra ngoài.
(Ca dao)

Tương tự như tính từ “trắng”, “đen” cũng được người Việt sử dụng để miêu tả màu da của toàn bộ cơ thể, chứ không phải chỉ một bộ phận cụ thể. Một người được miêu tả là *đen* có nghĩa là người đó có (nước) da sẫm màu, da không trắng, không sáng. Cách dùng cặp tính từ này thể hiện ở câu ca dao dưới đây.

Gặp em anh hỏi câu này

Ngày xưa em trắng sao rày em đen

Hay em lấy phải chồng hèn

Tham công tiếc việc nên đen thế này. (Ca dao)

2.2.2. Tính từ tiếng Anh “black”

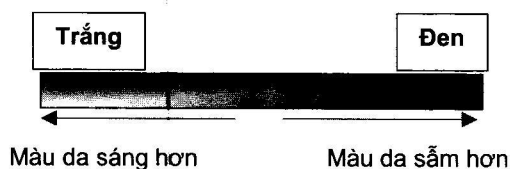
Do sống ở xa đường xích đạo nên da của người Anh thường không có màu tối, nên người Anh không dùng tính từ “black” để miêu tả màu da. Trong văn hoá của họ, tính từ

“black” được dùng để chỉ những đặc tính thuộc về người da đen [3] và có nét để phân biệt chủng tộc với người da trắng.

Ví dụ: a black woman writer (nữ tác giả người da đen).

Ở đây, *da đen* (black) được dùng để chỉ nguồn gốc của tác giả, chứ không phải được dùng để miêu tả màu *da đen* trong sự đối lập với màu *da trắng*.

Khi miêu tả màu da, người Anh không dùng cặp tính từ đối lập tuyệt đối là “white” và “black” như người Việt, mà họ dùng những tính từ so sánh hơn chỉ mức độ trên trục biến thiên của hai tính từ đối lập đó.



Hình 2. Cách miêu tả màu da phổ biến của người Anh

Để miêu tả màu da mà người Việt gọi là “đen”, người Anh thường dùng tính từ “dark”. Theo Hornby (2020), “dark” có nghĩa là “có màu nâu, màu đen” [3, tr.399]. Người Anh không dùng tính từ “dark” ở vị trí bỏ ngữ mà thường dùng tính từ này kết hợp với danh từ *da*.

Ví dụ:

Even if you have dark skin, you still need protection from the sun [3, tr.399] (Tạm dịch: Ngay cả khi bạn có màu *da đen*, bạn vẫn phải cần bảo vệ khỏi ánh nắng mặt trời).

He has darker skin (Tạm dịch: Anh ấy có màu da đen).

2.2.3. Đơn vị tương đương chỉ màu da có màu tối, sẫm màu trong hai ngôn ngữ

Để miêu tả màu da đen, sẫm màu, người Việt thường dùng tính từ “đen”, còn người Anh dùng một số từ, thuật ngữ khác nhau.

- *Dark*. Là một tính từ chỉ màu da đen hơn, sẫm màu hơn.

Ví dụ:

President Barack Obama has dark skin (Tạm dịch: Tổng thống Barack Obama có màu *da đen*).

- *Tanned*. Là một tính chỉ màu da tối, sẫm màu do tiếp xúc nhiều với ánh nắng mặt trời (If a person or their skin tans, or tanned, they become brown as a result of spending time in the sun [3, tr.399]). Như vậy, “tanned” là tính từ miêu tả màu da người do yếu tố bên ngoài tác động, chứ không phải là màu da tự nhiên và có đơn vị tương đương tiếng Việt là “rám nắng”.

Trong hai tính từ trên thì “dark” là đơn vị tương đương với tính từ “đen” trong tiếng Việt, khi được sử dụng để miêu tả màu da.

Ngoài cách sử dụng để chỉ chủng tộc người da đen, tính từ tiếng Anh “black” không được người Anh sử dụng để miêu tả màu da.

3. Kết luận

Do sự khác biệt về văn hóa và ngôn ngữ, tiếng Việt và tiếng Anh có những tính từ khác nhau để chỉ màu da sáng và màu da tối, sẫm màu. Để chỉ màu da sáng nhất, người Việt thường dùng tính từ “trắng”, còn người Anh dùng tính từ “light”. Ngược lại, để miêu tả màu da tối, sẫm màu, người Việt thường dùng tính từ “đen”, trong khi đó người Anh dùng tính từ “dark”. Đáng chú ý hơn, trong khi người Việt dùng tính từ chỉ màu sắc “trắng”, “đen” dạng nguyên mẫu ở vị trí bỏ ngữ, thì người Anh lại dùng những tính từ tương đương ở dạng so sánh hơn ở vị trí miêu tả cho danh từ.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1] Hoàng Phê (Chủ biên), *Từ điển tiếng Việt*, Nxb. Đà Nẵng, Đà Nẵng, 2018.
- [2] Barsh G.S., *What controls variation in human skin color?*, *PLoS Biol*, 2003, <https://journals.plos.org/plosbiology/article?id=10.1371/journal.pbio.0000027>
- [3] Hornby A.S., *Oxford Advanced Learner's Dictionary (Từ điển Oxford cao cấp)*, Nxb. Oxford (Bản in và bản điện tử), 2020.
- [4] <https://dictionary.cambridge.org>